

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2017/DSPT
Ngày: 19-9-2017
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2015/TLPT-DS, ngày 05 tháng 8 năm 2015 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2015/DSST ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 250/2017/QĐ-PT, ngày 05 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Kim Y, sinh năm 1949; Cư trú tại: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1957; Cư trú tại: Ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Huỳnh Ngọc H1, sinh năm 1964; Cư trú tại: đường N, phường O A, quận P, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Bà Huỳnh Thị T2, sinh năm 1950; Cư trú tại Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Long An.

3.3. Bà Huỳnh Ngọc L1, sinh năm 1959. Cư trú tại Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

3.4. Chị Huỳnh Kim C1, sinh năm 1974.

3.5. Chị Âu Thị Thiên H2, sinh năm 1984.

3.6. Chị Âu Thị Thiên N1, sinh năm 1982.

3.7. Ông Âu Việt T3, sinh năm 1962.

Cùng cư trú tại: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người đại diện hợp pháp của bà H1, bà T2, bà L1, ông T3, chị C1, chị H2, chị N1:* Bà Huỳnh Thị Kim Y, sinh năm 1949; Cư trú tại: Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền của bà H1, bà T2, bà L1, ông T3, chị C1, chị H2, chị N1 (Văn bản ủy quyền ngày 05/10/2011, 06/10/2011, 07/10/2011), có mặt.

3.8. Bà Huỳnh Thị C2, sinh năm 1955; Cư trú tại đường P, phường T, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

3.9. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1958.

3.10. Anh Huỳnh Công N, sinh năm 1993.

3.11. Chị Huỳnh Diệu Thúy N2, sinh năm 1988.

3.12. Chị Huỳnh Thị Kim L2, sinh năm 1978.

3.13. Anh Huỳnh Trọng N1, sinh năm 1981.

3.14. Anh Huỳnh Quốc T5, sinh năm 1990.

Cùng cư trú tại Ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người đại diện hợp pháp của bà T4, anh N, chị N2, chị L2, anh N1, anh T5:* Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1957; Cư trú tại: Ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền của bà T4, anh N, chị N2, chị L2, anh N1, anh T5 (Văn bản ủy quyền ngày 14/3/2012), có mặt.

3.15. Chị Huỳnh Thị Thu N3, sinh năm 1985. Cư trú tại Ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

3.16. Ủy ban nhân dân huyện B.

- *Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện B:* Ông Bùi Văn P, sinh năm 1960 – Chức vụ: Phó trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B (Văn bản ủy quyền ngày 14/4/2014), có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị Kim Y – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 10/01/2011 và các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Huỳnh Thị Kim Y trình bày:* Vào ngày 10/3/1996 bà Y được mẹ ruột là Nguyễn Thị M lập tờ ủy quyền cho đất tại thửa 846 diện tích 700m², loại đất vườn tọa lạc tại ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long, có sự chứng kiến và đồng ý ký tên của ông Huỳnh Văn T1. Ngày 20/3/1996 ông T1 lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Y thửa đất số 846, được Ủy ban nhân dân xã Y xác nhận. Bà Y được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa mới số 325 diện tích 700m², loại đất vườn, tờ bản đồ số 7 vào ngày 30/12/1999. Do bà Y phải đi làm thuê nên bà Y giao thửa đất tại thửa 325 lại cho em bà là ông Huỳnh Văn T1 canh tác. Đến năm 2010 có chương trình đo Vlap ông T1 không cho bà Y đo phần đất tại thửa 325 nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Bà Huỳnh Thị Kim Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn T1 trả lại cho bà phần đất thuộc thửa 325 diện tích 700m², loại đất vườn.

- *Tại bản tự khai ngày 21/01/2011 và các bản khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Huỳnh Văn T1 trình bày:* Ông T1 không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh Thị Kim Y do mẹ ông là bà Nguyễn Thị M chỉ cho bà Y phần đất diện tích 700m² sau đó phần đất này bị nhà nước thu hồi 154m² còn lại 546m² hiện bà Y vẫn đang canh tác và đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn phần đất bà Y khởi kiện diện tích 700m², thuộc thửa 325, loại đất vườn, tờ bản đồ số 7 nằm trong phần đất 8.000m² mà cha mẹ cho ông vào năm 1985, ông đã trồng cam, mít từ khi được cho đất đến nay. Vì vậy ông T1 không chấp nhận trả đất theo yêu cầu của nguyên đơn Huỳnh Thị Kim Y.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T4, Huỳnh Công N, Huỳnh Diệu Thúy N2, Huỳnh Thị Kim L2, Huỳnh Trọng N1, Huỳnh Quốc T5 có ông Huỳnh Văn T1 làm đại diện trình bày:* Các ông, bà thống nhất theo lời trình bày của ông T1. Các đương sự không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Ngọc H1, bà Huỳnh Thị T2, bà Huỳnh Ngọc L1, Huỳnh Kim C1, Âu Thị Thiên H2, Âu Thị Thiên N1, Âu Việt T3 có bà Huỳnh Thị Kim Y làm đại diện trình bày:* Các ông, bà thống nhất theo lời trình bày của bà Y. Các đương sự không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị C2 trình bày:* Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của cha mẹ để lại. Nay giữa ông T1 và bà Y tranh chấp với nhau thì bà C2 không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện B có ông Bùi Văn P làm đại diện trình bày:* Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị Kim Y là đúng đối tượng đăng ký, đúng theo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân huyện B bảo lưu việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Y tại thửa 325 diện tích 700m², loại đất vườn, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 30/12/1999.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2015/DSST ngày 26/6/2015 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 142; điểm c khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 (sửa đổi, bổ sung năm 2011); Điều 203 Luật đất đai năm 2014; khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim Y về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn T1 trả lại phần đất diện tích 700m², thửa số 325, tờ bản đồ số 7, tọa lạc Ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

2. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn T1 về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện B đã cấp cho bà Y tại thửa số 325, tờ bản đồ số 7, tọa lạc Ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long và công nhận phần đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông Huỳnh Văn T1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí khảo sát, đo đạc; về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 30/6/2015, bà Huỳnh Thị Kim Y kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y, buộc ông Huỳnh Văn T1 trả lại cho bà phần đất diện tích 700m², thửa số 325, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn Huỳnh Thị Kim Y vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Huỳnh Văn T1 trả lại cho bà phần đất diện tích 700m² tại thửa số 325.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T1 không đồng ý trả cho bà Y thửa đất 325 vì thửa đất số 325 là của cha mẹ ông đã cho ông T1 sử dụng từ năm 1985. Ông T1 đã trồng cam, mít từ khi được cho đất đến nay. Phần đất bà Y được bà M chia theo di chúc thì bà Y đã nhận và đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 369 diện tích 520m² nay là thửa 139 diện tích 468,8m² tọa lạc ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện B có ông Bùi Văn P đại diện bảo lưu việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Y tại thửa 325 diện tích 700m², loại đất vườn, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 30/12/1999.

Vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay là đúng quy định tại Điều 48 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử là đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử; Hội đồng xét xử thực hiện việc xét xử tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng có mặt đủ và có chấp hành đúng pháp luật quy định về việc tham gia phiên tòa phúc thẩm; Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Huỳnh Kim Y, buộc bị đơn ông Huỳnh Văn T1 trả cho bà Y 700m² đất thuộc thửa số 325, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long trị giá tiền bằng 49.000.000đồng. Công nhận cho ông T1 được quyền sử dụng diện tích 700m² đất thuộc thửa số 325, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long do bà Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Huỳnh Thị Kim Y làm đơn kháng cáo trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim Y, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị đơn ông Huỳnh Văn T1 thừa nhận vào năm 1996 bà Nguyễn Thị M là mẹ ruột của ông có lập “tờ vi chúc” chia đất cho bà Y 700m² đất tại thửa 846 và ông có chứng kiến là người thừa kế và đồng ý ký tên giao đất. Sau đó bà Y đã nhận đất và kê khai đăng ký đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng hiện nay theo đo đạc mới là thửa đất 139 tọa lạc ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Riêng thửa đất 325 đang tranh chấp có nguồn gốc của bà M cho ông T1 và ông T1 trực tiếp sử dụng từ năm 1996 đến nay. Nên ông T1 không chấp nhận trả cho bà Y 700m² đất tại thửa 325.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim Y khai trước năm 1996 bà Y đã được cha mẹ bà Y cho thửa đất 369 diện tích 520m² tọa lạc ấp X2, xã Y, huyện Z. Đến ngày 30/6/1998 bà đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 369 diện tích 520m² tờ bản đồ số 7. Đến khi thực hiện đo VLAP bà đã được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với thửa mới số 139 diện tích 468,8m² vào ngày 01/4/2011. Bà Y cho rằng thửa đất 139 không liên quan đến “tờ vi chúc” chia đất của bà M cho bà thửa đất 846 nay là thửa đất 325 đang tranh chấp với ông T1.

Xét lời trình bày của bà Huỳnh Thị Kim Y là có căn cứ để chấp nhận. Bởi vì sau khi bà Nguyễn Thị M lập “tờ vi chúc” ngày 10/3/1996 cho đất bà Y thửa đất 846 diện tích 700m² có xác nhận của chính quyền địa phương ấp X2, xã Y, huyện Z (BL 327), do thửa đất 846 ông T1 đứng tên kê khai đăng ký trong sổ bộ địa chính nên ông Huỳnh Văn T1 đã lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Y diện tích 700m² tại thửa 846 vào ngày 20/3/1996 (BL 325-326) đến ngày 30/12/1999 bà Y được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 700m² đất vườn tại thửa 846 tờ bản đồ số 7 tọa lạc ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Huỳnh Văn T1 không thừa nhận có ký tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 20/3/1996 và yêu cầu giám định chữ ký tên của ông T1 trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 20/3/1996. Mặc dù, phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long có văn bản số 16/PC54 trả lời khước từ giám định do chữ ký cần giám định bị rách, mất nét nên không đủ cơ sở giám định và tại Kết luận giám định số 2325/C54B ngày 11/9/2017 của Phân viện khoa học hình sự Tổng cục Cảnh sát tại thành phố Hồ Chí Minh cũng đã kết luận “không kết luận được chữ ký mang tên Huỳnh Văn T1 trên tài liệu “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đề ngày 20/3/1996 với các chữ ký mẫu so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không”.

Nhưng theo các chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ án đã thể hiện như: Chứng thực lưu trữ số 119/CTLT-TTCNTT ngày 20/01/2011 của Trung tâm công nghệ thông tin thuộc Sở TN&MT tỉnh Vĩnh Long (BL 30) xác định thửa 325 diện tích 700m², tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long trước đây do ông T1 đăng ký trong sổ bộ địa chính, đến năm 1996, tại Quyết định số 4076/CT ngày 17/4/1996 (BL 25) của UBND huyện B chấp thuận cho ông Huỳnh Văn T1 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Y tại thửa 846 diện

tích 700m². Sau đó bà Huỳnh Thị Kim Y đăng ký trong sổ bộ địa chính; Tại Văn bản số 65/TNMT ngày 26/10/2011 của Phòng tài nguyên và Môi trường huyện B (BL 179) và Văn bản số 227/UNND ngày 15/02/2012 của Ủy ban nhân dân huyện B (BL 185) xác định thửa 846 diện tích 700m² loại đất trồng cây lâu năm do ông T1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C122071. Năm 1996, ông T1 chuyển quyền sử dụng đất cho bà Y theo chấp thuận số 4076/CT của Ủy ban dân huyện B. Do tách ấp X2 thành ấp X3 và X2 nên số thứ tự của thửa 846 diện tích 700m² được đổi thành thửa 325. Như vậy số thửa 846 và số thửa 325 chỉ là một thửa. Ủy ban nhân dân huyện B xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Y tại thửa 325 diện tích 700m², tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long là đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Do đó có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim Y về việc đòi ông Huỳnh Văn T1 trả lại phần đất diện tích 700m², thửa số 325, tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Y yêu cầu giải quyết buộc ông T1 trả lại thửa đất 325 diện tích 700m² hoặc trả lại giá trị bằng tiền của 700m² đất cho bà. Ông T1 yêu cầu được tiếp tục sử dụng thửa đất 325 vì ông đã trực tiếp quản lý sử dụng từ năm 1996 đến nay liền kề với các thửa đất 324, 326 của ông T1, trên đất có loại cây ăn trái như cam, mít, bưởi,... do ông T1 trồng. Tại Biên bản định giá tài sản ngày 11/6/2014 (BL 213) bà Y và ông T1 đều thống nhất giá đất tranh chấp là 75.000đồng/m². Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất giá đất đang tranh chấp có giá 70.000đồng/m² và không có yêu cầu định giá lại giá đất.

Do đó, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Y. Sửa bản án sơ thẩm, buộc ông T1 có trách nhiệm trả giá trị bằng tiền 700m² đất cho bà Y theo giá chuyển nhượng tại thị trường có cùng vị trí với đất tranh chấp mà hai bên đã thỏa thuận giá là 700m² x 70.000đồng/m² = 49.000.000đồng. Công nhận cho ông T1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 700m² loại đất vườn, thuộc thửa 325, tờ bản đồ số 7 tọa lạc ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 30/12/1999 cho bà Huỳnh Thị Kim Y. Diện tích đất hiện do ông T1 đang quản lý sử dụng. Ông Huỳnh Văn T1 có trách nhiệm kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí và chi phí đo đạc định giá, giám định:

Do sửa án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm và chi phí đo đạc, định giá và chi phí giám định được xác định lại:

- Bà Y tự nguyện chịu chi phí khảo sát, đo đạc, định giá tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm là 9.217.200đồng theo khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

- Ông Huỳnh Văn T1 phải chịu chi phí giám định là 3.000.000đồng.

- Ông Huỳnh Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

- Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

- Quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ việc giải quyết yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn T1 về yêu cầu hủy giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 30/12/1999 cho bà Huỳnh Thị Kim Y diện tích 700m² loại đất vườn, thuộc thửa 325, tờ bản đồ số 7 tọa lạc ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Huỳnh Thị Kim Y. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 131/2015/DSST ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 100 và Điều 203 của Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 2 Điều 27, khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Kim Y về việc đòi ông Huỳnh Văn T1 trả lại phần đất diện tích 700m² loại đất vườn, thuộc thửa 325, tờ bản đồ số 7 tọa lạc ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

1.1. Buộc ông Huỳnh Văn T1 có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Kim Y giá trị quyền sử dụng đất diện tích 700m² bằng tiền là 49.000.000đồng (Bốn mươi chín triệu đồng).

1.2. Công nhận cho ông Huỳnh Văn T1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 700m² loại đất vườn, thuộc thửa 325, tờ bản đồ số 7 tọa lạc ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 30/12/1999 cho bà Huỳnh Thị Kim Y. Diện tích đất hiện do ông T1 đang quản lý sử dụng.

1.3. Ông Huỳnh Văn T1 có trách nhiệm kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí và chi phí đo đạc, định giá và chi phí giám định:

2.1. Bà Huỳnh Thị Kim Y phải chịu chi phí đo đạc, định giá tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm là 9.217.200đồng. Trừ vào số tiền nộp tạm ứng. Bà Y đã nộp đủ.

2.2. Ông Huỳnh Văn T1 phải chịu chi phí giám định là 3.000.000đồng. Trừ vào số tiền nộp tạm ứng. Ông T1 đã nộp đủ.

2.3. Ông Huỳnh Văn T1 phải nộp 2.450.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 015126 ngày 16/5/2013 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tam Bình. Ông T1 còn phải nộp 2.250.000đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.4. Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Kim Y 812.500đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 002177 ngày 22/3/2011, 028675 ngày 30/6/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tam Bình.

3. Kể từ ngày bà Huỳnh Thị Kim Y có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng ông Huỳnh Văn T1 chưa thi hành án xong thì hàng tháng ông T1 còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về đình chỉ việc giải quyết yêu cầu phản tố của ông Huỳnh Văn T1 về yêu cầu hủy giấy chứng nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 30/12/1999 cho bà Huỳnh Thị Kim Y diện tích 700m² loại đất vườn, thuộc thửa 325, tờ bản đồ số 7 tọa lạc ấp X2, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND H.Tam Bình: 01;
- Chi cục THADS H.Tam Bình: 01;
- Đ/s: 18;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Trần Thị Thúy Hồng